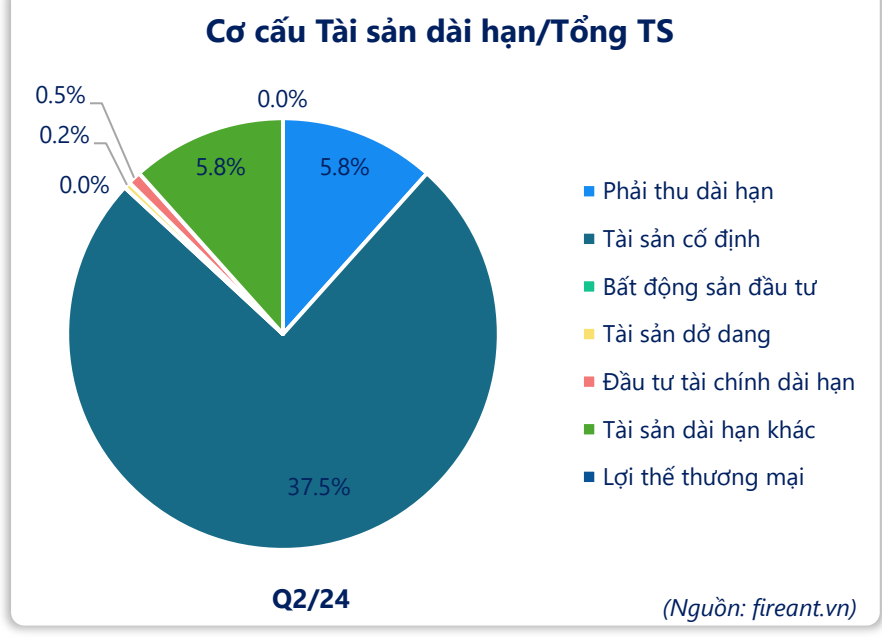
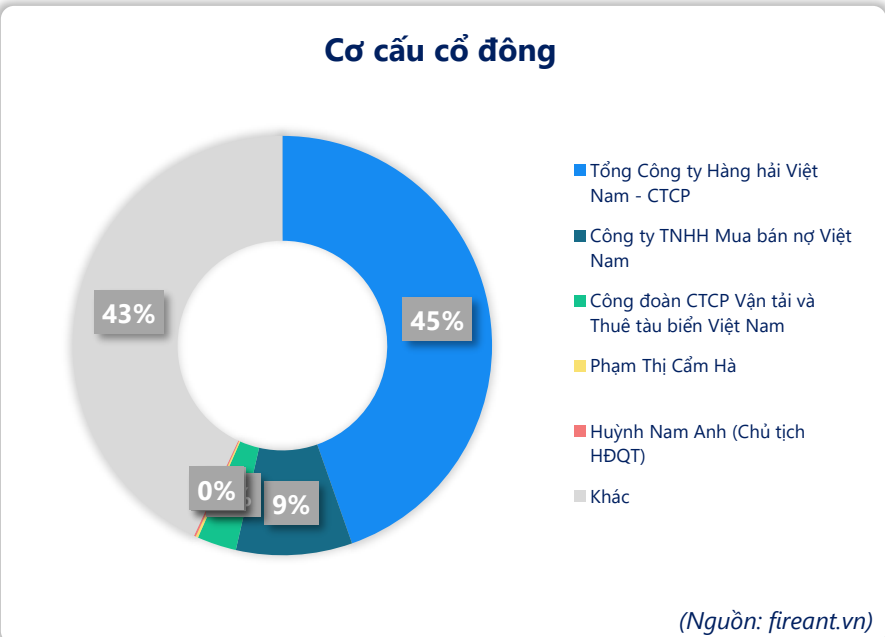
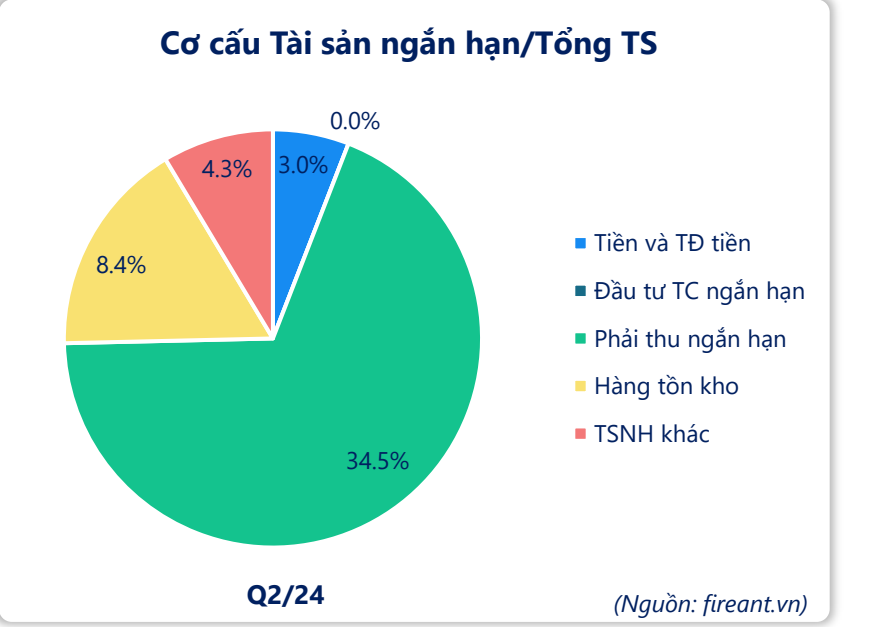
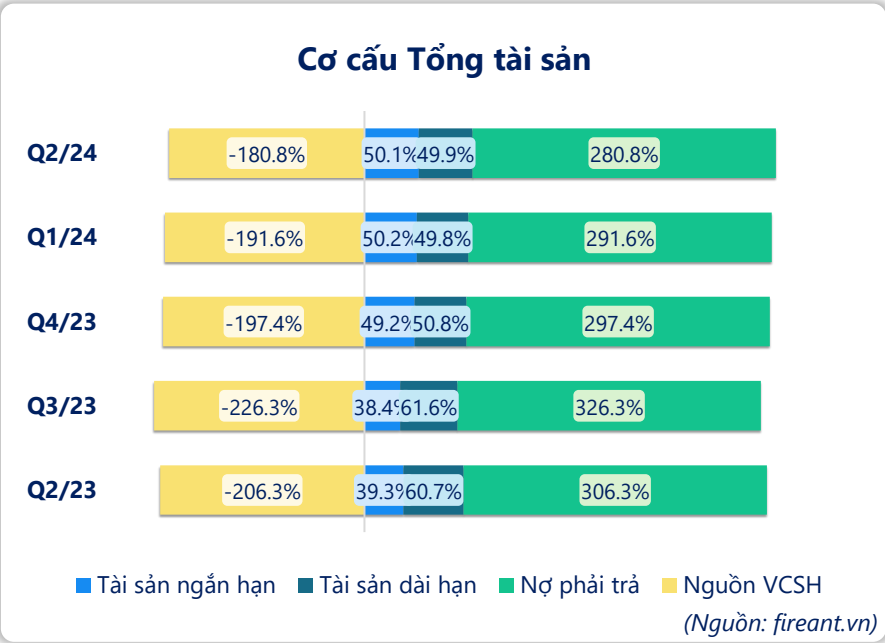
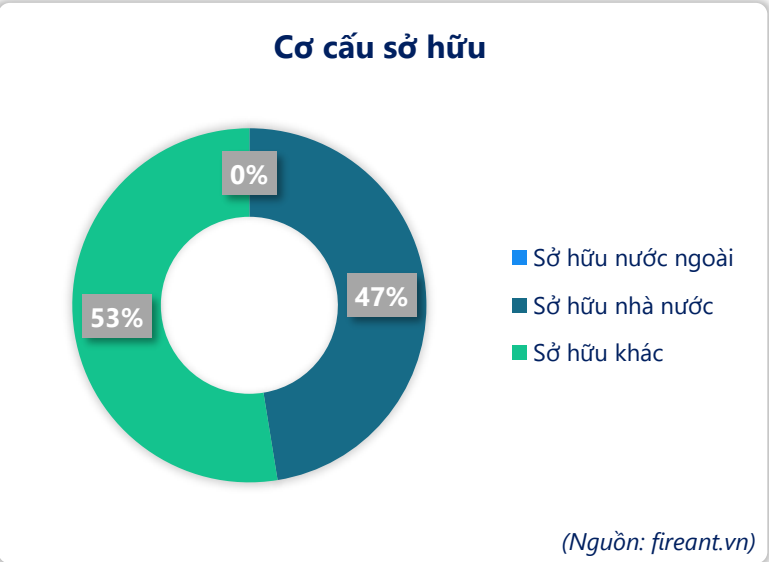
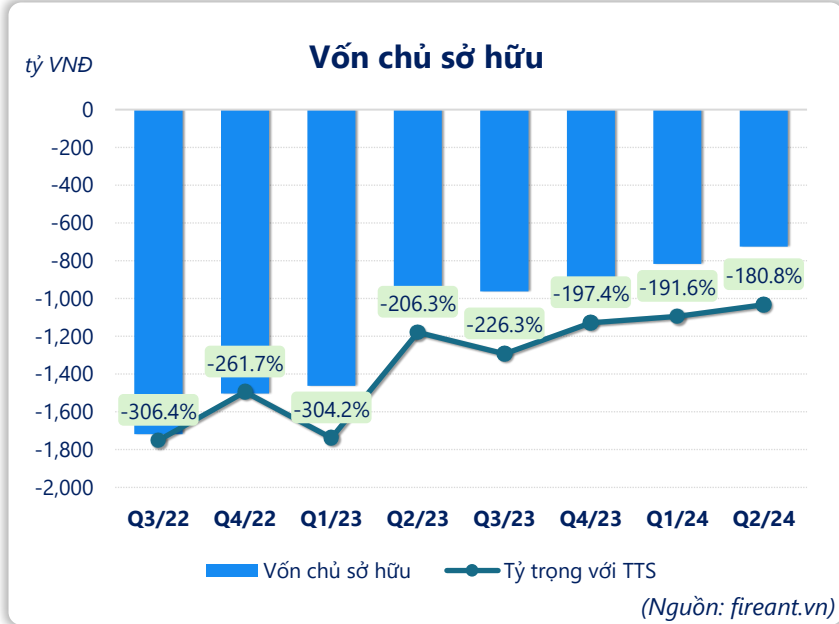
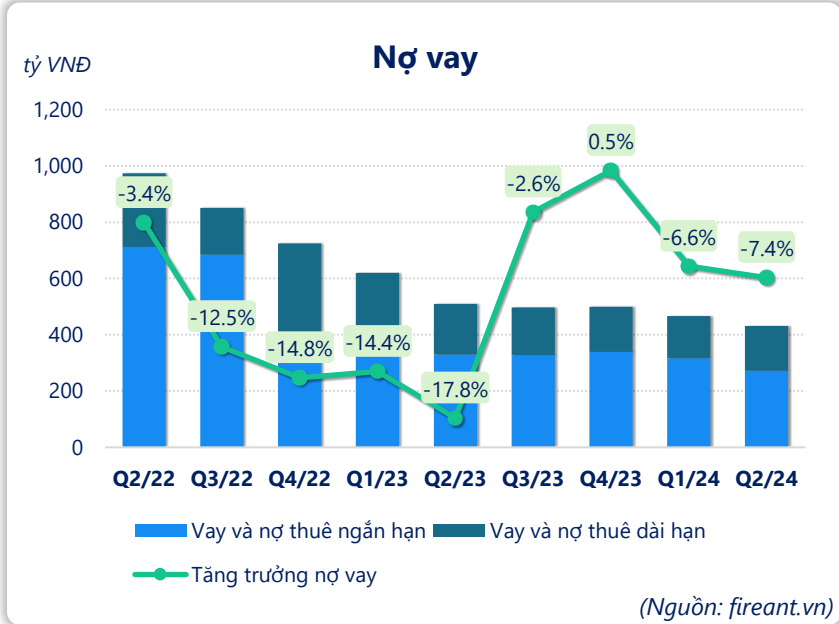
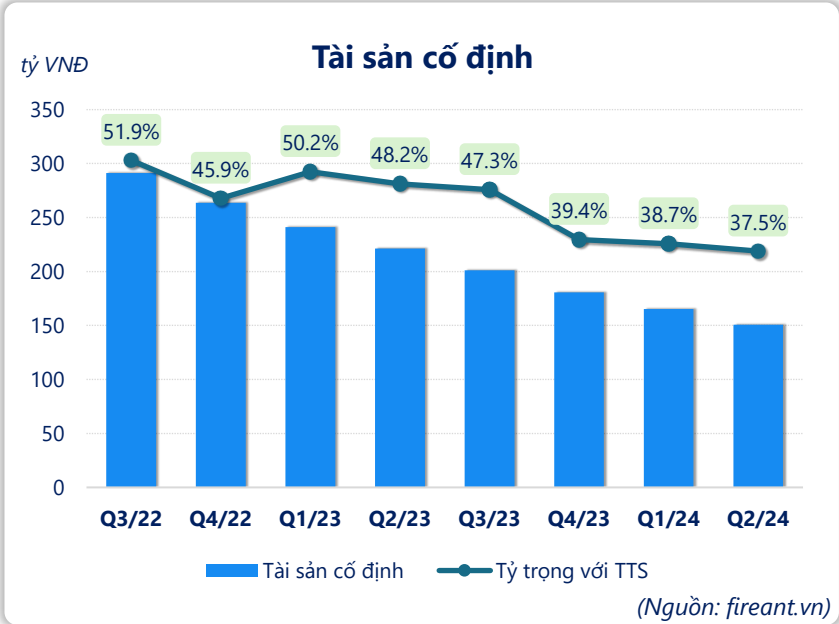
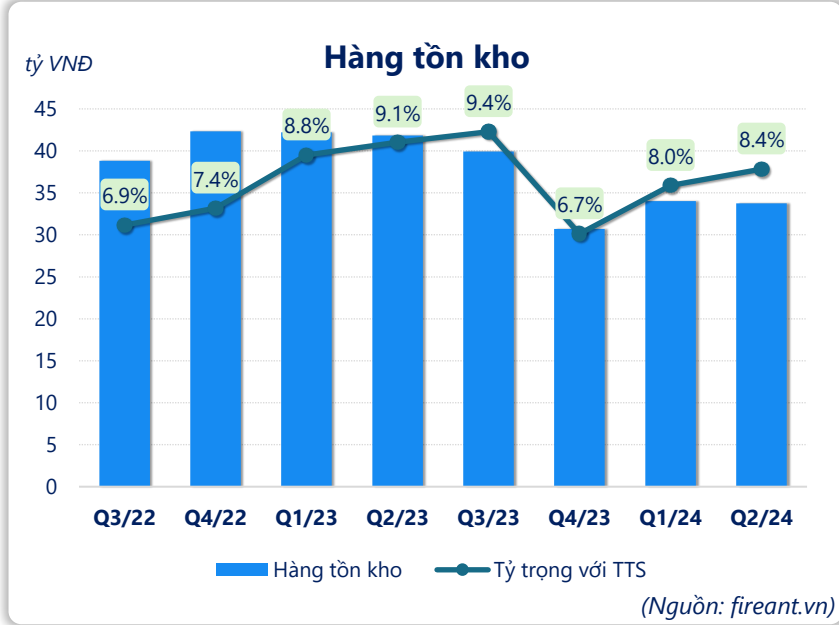
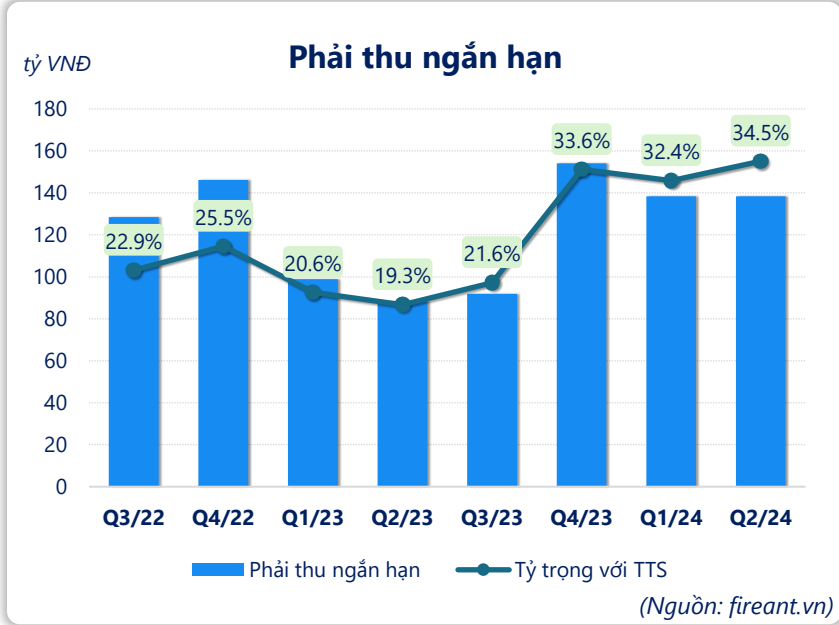
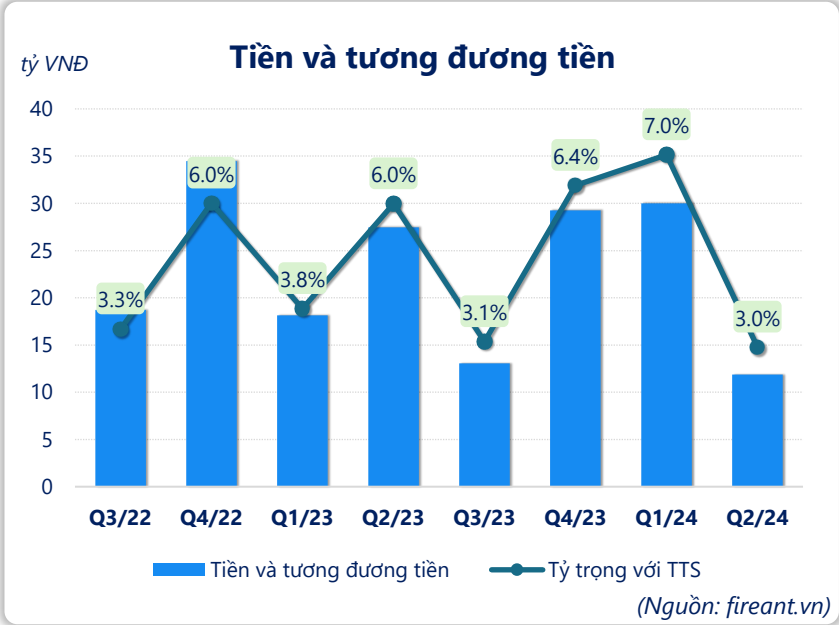
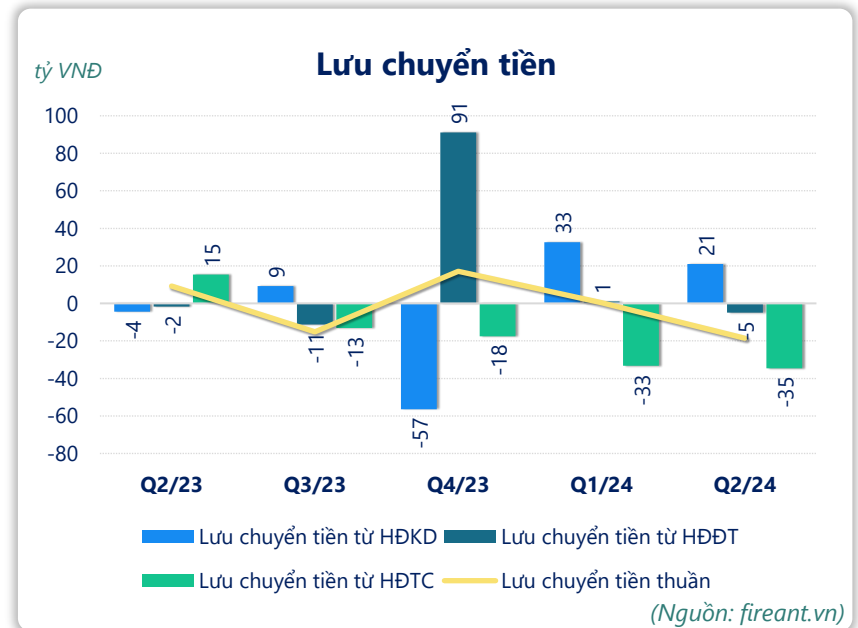
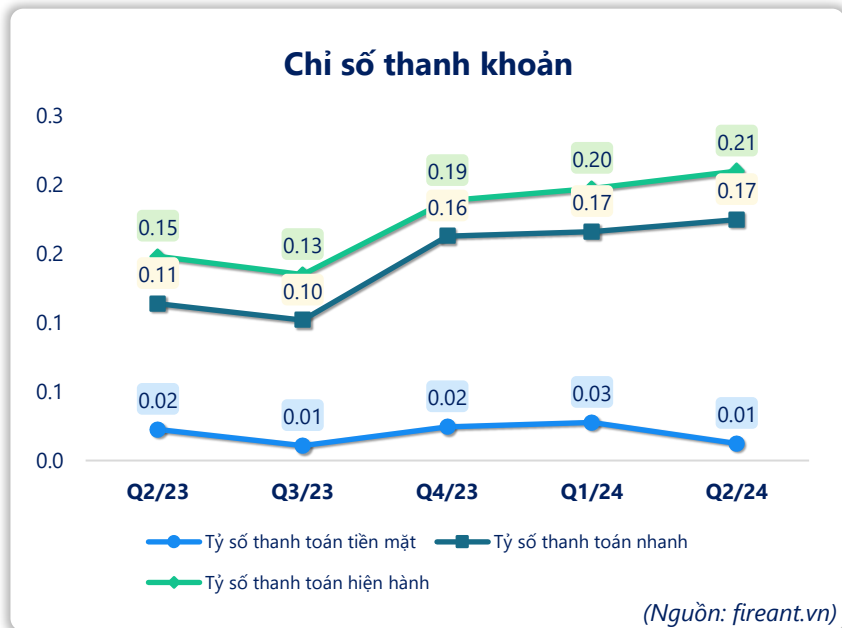
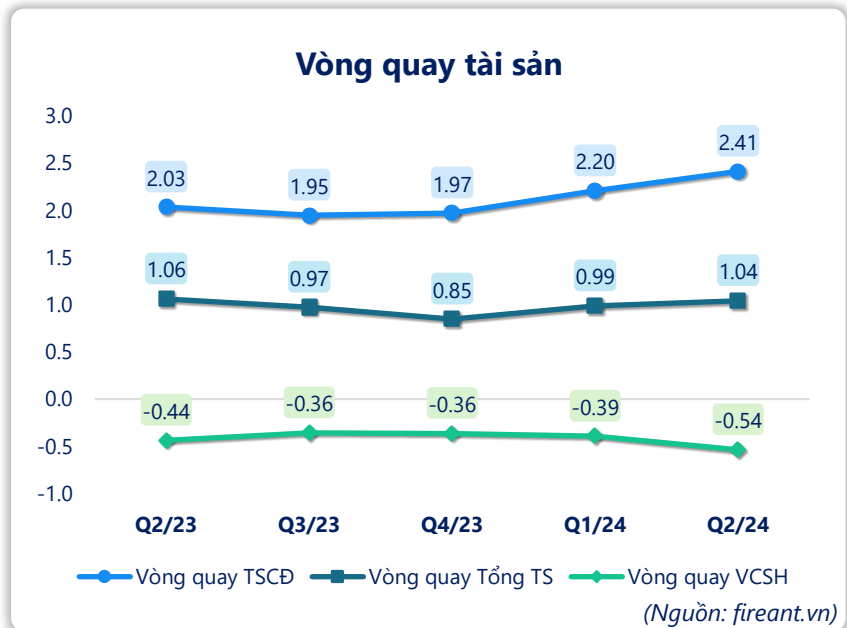
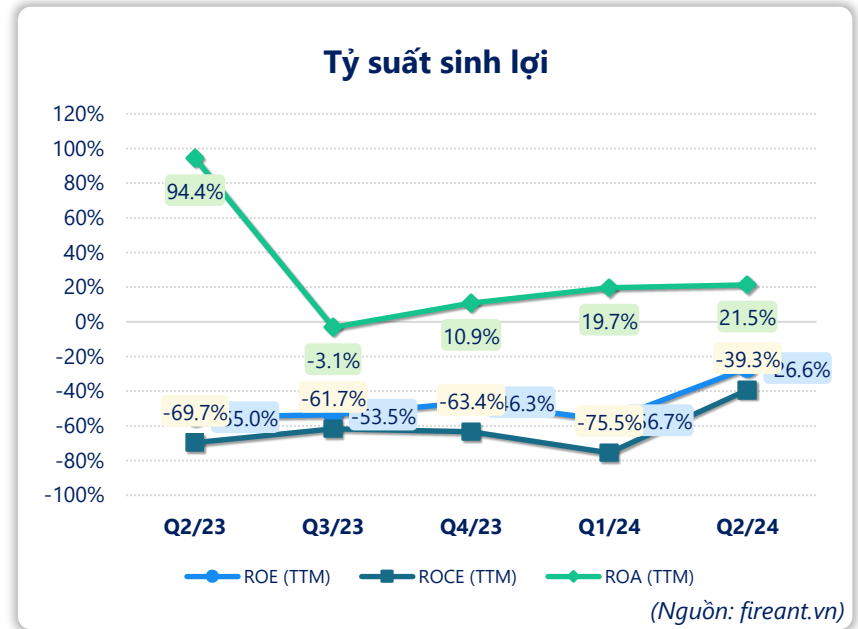
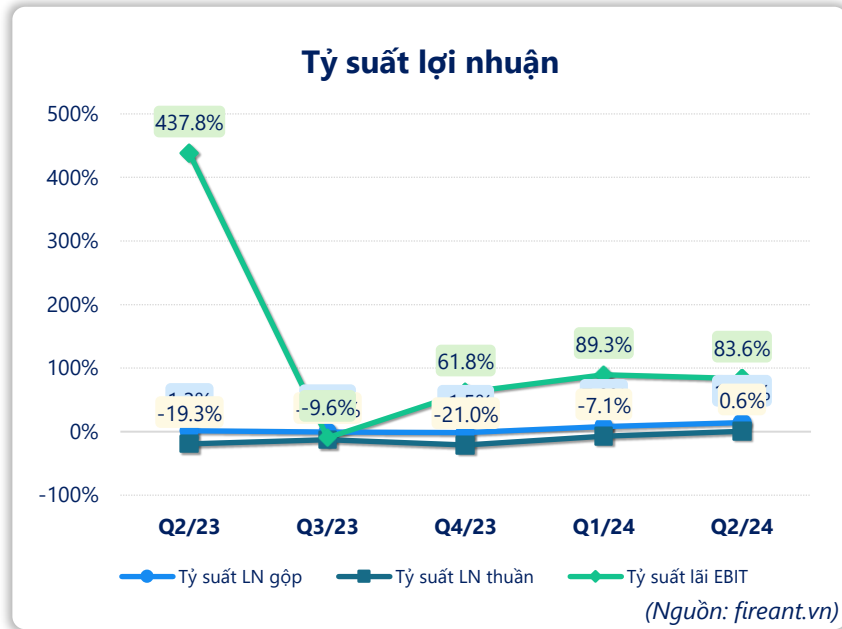
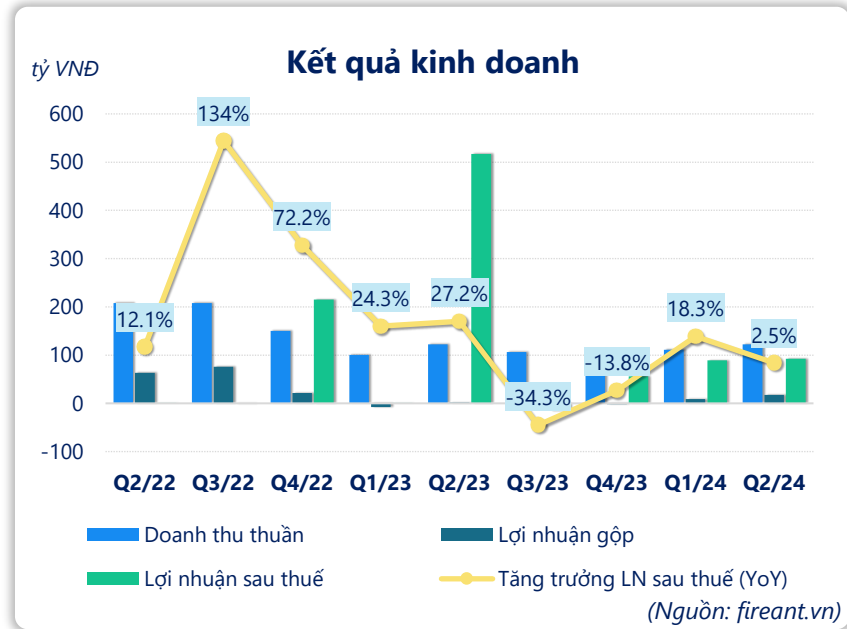


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		4,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		4,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,600
SL cổ phiếu LH		66,999,337
KLGD BQ 20 phiên (CP)		58,630
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		268
P/E		1.2
EPS		3,319

	YTD	1T	3T	6T
VST	53.8%	53.8%	42.9%	48.1%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	401	459	-12.5%
Tài sản ngắn hạn	201	226	-10.8%
Tiền và tương đương tiền	11.9	29.3	-59.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	138	154	-10.2%
Hàng tồn kho	33.7	30.7	9.9%
Tài sản ngắn hạn khác	17.3	11.6	49.6%
Tài sản dài hạn	200	233	-14.2%
Phải thu dài hạn	23.3	23.2	0.1%
Tài sản cố định	151	181	-16.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.98	0.63	56.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.00	2.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	23.2	26.7	-13.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,127	1,365	-17.4%
Nợ ngắn hạn	959	1,196	-19.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	272	339	-19.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.7	12.5	-15.1%
Nợ dài hạn	168	168	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	160	160	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	-725	-906	19.9%
Vốn chủ sở hữu	-725	-906	19.9%
Vốn điều lệ	670	670	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	122	106	109	111	122
Giá vốn hàng bán	120	107	110	102	105
Lợi nhuận gộp	1.63	-0.64	-1.64	8.59	17.4
Doanh thu HĐTC	2.90	1.24	2.04	2.14	4.01
Chi phí TC	18.0	5.15	14.2	9.32	10.4
Chi phí lãi vay	17.1	4.45	10.4	8.89	9.38
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.74	1.34	1.31	1.31	1.59
Chi phí QLDN	8.34	7.85	7.70	8.01	8.71
LN thuần từ HĐKD	-23.5	-13.7	-22.8	-7.91	0.71
Lợi nhuận khác	541	-0.90	79.6	97.9	92.3
LN trước thuế	518	-14.6	56.8	90.0	93.0
Lợi nhuận sau thuế	517	-15.5	56.2	89.3	92.3
LNST của CĐ cty mẹ	517	-15.5	56.2	89.3	92.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.48	9.19	-56.5	32.6	21.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.76	-11.2	91.2	1.02	-4.98
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	15.4	-13.2	-17.6	-33.3	-34.7
Tiền đầu kỳ	18.1	27.5	13.0	29.3	30.0
Lưu chuyển tiền thuần	9.20	-15.2	17.1	0.38	-18.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0.13	0.74	-0.88	0.35	0.44
Tiền cuối kỳ	27.5	13.0	29.3	30.0	11.9

(Nguồn: fireant.vn)